

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A - Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Master Poultry

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A - Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc;

Xét Văn bản số 6266/STNMT-BVMT ngày 20/7/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án “Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A - Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 667/Tr-STNMT ngày 02/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A - Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Master Poultry (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cao

Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A - Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Master Poultry thực hiện tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc; Giám đốc Công ty TNHH Master Poultry và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc;
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A-
Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc
của Công ty TNHH Master Poultry

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A-Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc.
- Địa điểm thực hiện: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Master Poultry.
- + Đại diện: Ông Đào Trung Kiên - Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ trụ sở: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
- + Điện thoại liên hệ: 0363.812.618

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Dự án Trại chăn nuôi gà phục vụ chế biến xuất khẩu công nghệ cao 4A-Cao Ngọc tại xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Quy mô của dự án:
- + Quy mô sử dụng đất của dự án là 41.153,8m².
- + Công suất nuôi gà: 59.400 con/lứa
- + Quy mô khai thác nước ngầm 30m³/ngày đêm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính: 06 chuồng nuôi gà thịt;
- Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 nhà điều hành; 01 nhà trường trại; 01 nhà công nhân; 01 nhà bảo vệ; 01 nhà để xe; 01 nhà để xe nông cụ và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.
- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 03 Bể yếm khí, 01 ao sinh học, bể 02 phốt, các hạng mục công trình thu gom, xử lý chất thải...

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giải phóng mặt bằng khu vực dự án
- Thi công xây dựng trang trại.
- Hoạt động chăn nuôi gà.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $1,75\text{m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng $0,475\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải tắm rửa khoảng $1,125\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải ăn uống khoảng $0,15\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải xây dựng và nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng $2,0\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm cặn lơ lửng, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công khoảng $128,5\text{m}^3/\text{h}$. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng và xây dựng các công trình phục vụ chăn nuôi tại trang trại, các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, phát sinh bụi và khí thải (CO , SO_2 , NO_2 và chất hữu cơ dễ bay hơi), tác động chủ yếu đến các hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, các hộ dân tiếp giáp dự án, các cơ quan tiếp giáp dự án.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng $12,5\text{ kg}/\text{ngày}$ chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Thực vật phát quang phát sinh là $2,0-3,0\text{ tấn}$;

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông vỡ, đá, sắt thép có tổng khối lượng 1.618kg ; trong đó:

+ Đất, đá, cát, rơm vãi, bê tông, gạch vỡ là 1.218 kg sẽ được đơn vị thi công san lấp tại khu vực xây dựng khu vực dự án;

+ Sắt, thép, ống nhựa, que hàn, ván gỗ ...khoảng 400 kg , trong đó sắt, thép, nhựa, que hàn sẽ tái chế, ván gỗ sẽ tận dụng làm củi đốt.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn nguy hại: Chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ quá trình giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... Khối lượng ước tính khoảng $10\text{kg}/\text{đợt}$ thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh là $21\text{lít}/\text{đợt}$ thi công, thành phần chủ yếu là dầu máy thải.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển ảnh hưởng đến các hộ dân hai bên tuyến đường vận chuyển. Các tác động do tiếng ồn diễn ra không liên tục trong thời gian thi công dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân: Lượng nước thải sinh hoạt: $2,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; trong đó nước tắm giặt: $1,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải nhà bếp: $0,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải vệ sinh: $0,4\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải chăn nuôi: Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh sau mỗi lần rửa chuồng (phát sinh 06 lần/năm) là $39,88\text{m}^3/\text{lần}$. Thành phần chủ yếu: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án khoảng $133,2\text{m}^3/\text{h}$. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

- Mùi hôi từ các chuồng nuôi; mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn; Khí thải phát sinh từ chuồng nuôi, hầm biogas;

- Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm; Khí thải từ khu vực xử lý nước thải; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Khí thải có thành phần chủ yếu là CO, NO_x, SO₂, NH₃; H₂S;...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt, chăn nuôi:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $20,0\text{ kg}/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:

+ Khối lượng phân, lông gia cầm độn lót phát sinh là $178,16\text{ tấn}/\text{lứa}$;

+ Gà chết $29,7\text{ kg} - 178,2\text{ kg}/\text{lứa}$;

- Bùn thải từ các bể yếm khí khoảng $1\text{ tấn}/\text{năm}$.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng $1,5\text{kg}/\text{tháng}$; thành phần chính gồm bóng đèn neon bị vỡ, hỏng, pin-acquy, hộp mực in, vỏ thuốc gia cầm, vỏ vaccine, chất tẩy rửa...;

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh $10\text{kg}/\text{năm}$.

3.2.3. Một số tác động do rủi ro, sự cố:

Sự cố cháy nổ; sự cố hệ thống xử lý nước thải; sự cố dịch bệnh,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh chủ đầu tư sẽ xây 01 nhà vệ sinh chìm khô hai ngăn truyền thống tại phía Đông Nam dự án (kích thước xây dựng: $1,5\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,9\text{m}$).

- Đối với nước từ tắm rửa, giặt giũ với lưu lượng $1,125\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và dẫn về hồ lắng $2,0\text{m}^3$, sau đó chảy ra rãnh thoát nước tạm và tiêu thoát theo địa hình dốc tự nhiên về hồ tự nhiên phía Nam trang trại.

- Nước thải nhà ăn với lưu lượng $0,15\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom dẫn về bể tách mỡ dung tích $0,2\text{m}^3$ để tách mỡ và lắng cặn, sau đó dẫn về hồ lắng cùng nước thải vệ sinh thiết bị máy móc, thể tích $3,0\text{m}^3$, sau đó thoát theo độ dốc tự nhiên về hồ tự nhiên phía Nam trang trại;

b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Xây dựng 01 hồ lắng thể tích $3,0\text{m}^3$ để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công.

- Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng phun ẩm chống bụi.

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

- Trước khi thi công sẽ san gạt tạo mặt bằng khu vực thi công, không để các khu vực trũng thấp.

- Che chắn vật liệu rời như đá dăm, cát khi có mưa.

- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa.

- Thu dọn các vật liệu rời vãi trước khi kết thúc ca thi công, hạn chế các chất rời vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước rộng x sâu = $50\text{cm} \times 50\text{cm}$ dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 50m .

d. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường nhựa liên xã vận chuyên nguyên liệu với khoảng cách $1,0\text{km}$ từ dự án với tần suất 04 lần/ngày và thực hiện khi phát sinh nhiều bụi.

- Công nhân thi công được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động (*bao gồm: khẩu trang, kính, mũ, găng tay, ủng, áo, quần...*) khi làm việc tại khu vực công trường thi công. Số lượng bảo hộ lao động 02 bộ/người/năm.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Vận chuyên nguyên vật liệu rời trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Bố trí khu vực rửa lốp xe trước khi ra khỏi khu vực công trường. Khu rửa xe được bố trí với diện tích 40m^2 , bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị và sử dụng 03 thùng đựng rác 60 lít gồm: 01 thùng màu xanh, 01 thùng màu vàng và 01 thùng màu trắng. Thùng đựng rác có nắp đậy che chắn, tránh mưa, nắng và không bị động vật xâm phạm; được đặt tại khu lán trại công nhân để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày trên khu vực công trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn thi công được phân loại thành 03 loại gồm: chất thải có thể tái chế, chất thải hữu cơ dễ phân hủy và chất thải khác.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom địa phương vận chuyển xử lý với tần suất 1 - 3 ngày/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Đất đào được sử dụng để tôn cao nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực chân đồi trong khu vực dự án; đất, đá thải, gạch,... được sử dụng để san gạt tại các vị trí trống; tiến hành lu lèn chặt để đảm bảo sự tiêu thoát nước tốt tại khu vực dự án.

- Các loại CTR như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Sinh khối thực vật phát quang: thân, cành, lá, rễ cây sắn, mía được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đưa đi xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Tại mỗi khu bố trí 01 can chứa chất thải lỏng nguy hại có thể tích 50 lít có nắp đậy, dán nhãn; 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 50 lít/thùng lưu giữ chất thải rắn nguy hại như giẻ lau dính dầu, bóng đèn neon. Các thùng chứa tập kết tại kho chứa có diện tích khoảng 3,0m² gần khu vực lán trại.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn để vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao sẽ được trang bị nút tai chống ồn.

- Sử dụng đầm cóc để thi công các vị trí tiếp giáp các công trình nhà dân, không sử dụng lu máy, lu rung.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro sự cố môi trường

- Trang bị tủ thuốc cấp cứu tại lán trại trên công trường để ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Bố trí chỗ ở cho công nhân đảm bảo vệ sinh, đảm bảo sức khỏe công nhân, hạn chế bệnh tật phát sinh.

- Sử dụng thực phẩm an toàn để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- Trang bị 02 bình bột cứu hỏa loại 4,0kg. Đặt khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Tuân thủ các quy định an toàn giao thông khi vận chuyển nguyên vật liệu.

- Khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải, khí thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải từ quá trình tắm, giặt được thu gom qua hệ thống thoát nước thải, hố ga rồi đưa vào ao sinh học.

- Nước thải từ nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ, qua hệ thống ống thoát nước dẫn về ao sinh học.

- Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại rồi dẫn về ao sinh học để xử lý tiếp.

- Nước thải mỗi đợt rửa chuồng nuôi được xử lý qua bể yếm khí sau đó xử lý tiếp qua ao sinh học của dự án.

- Nước mưa chảy tràn:

- + Nước mưa trên mái được thu gom qua hệ thống máng thu nước mưa, ống thoát nước mái D110 dẫn về hệ thống mương thu gom nước mưa dọc đường nội bộ và các chuồng nuôi được dẫn ra ao sinh học;

- + Nước mưa chảy tràn qua đường nội bộ, thảm cỏ và các hành lang chuồng nuôi được dẫn qua hệ thống mương thu gom nước mưa dọc đường nội bộ và các

chuồng nuôi rồi dẫn ra ao sinh học. Trên hệ thống thoát nước mưa tổng chiều dài 1.094m bố trí 32 hố ga thu nước mưa và lắng chất rắn lơ lửng.

- Nước thải và nước mưa chảy tràn được thu gom về ao sinh học của dự án. Ao sinh học được thiết kế 02 ngăn, trong ao thả bè lọc bình để tăng hiệu quả xử lý nước sau các công trình xử lý môi trường, sau nước ở ngăn thứ nhất đầy nước sẽ tự chảy sang ngăn thứ 2 của ao sinh học. Nước trong ao được tái sử dụng tưới cây và PCCC, còn lại sẽ được xả qua cống ra hồ tự nhiên phía Tây Bắc Trang trại theo cơ chế chảy tràn.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải chăn nuôi phải được xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

4.2.2. Các biện pháp công trình giảm thiểu bụi và khí thải:

- Đối với khí thải từ chuồng nuôi:

+ Lắp đặt hệ thống làm mát cho các dãy chuồng nuôi, lắp đặt quạt thông gió 02 bên hông chuồng nuôi và hệ thống quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi để khu vực chuồng nuôi được thoáng mát. Phía sau hệ thống quạt hút của khu chuồng nuôi bố trí buồng xử lý khí thải và lắp đặt hệ thống giàn phun sương từ trên xuống để dập bụi và giảm thiểu mùi hôi, khí thải từ khu vực chuồng nuôi (sử dụng chế phẩm EM để khử mùi hôi).

+ Kết thúc mỗi đợt nuôi vệ sinh khu vực chuồng nuôi sạch sẽ, tránh để ứ đọng chất thải trong chuồng nuôi; Sử dụng chất độn chuồng đã được phối trộn chế phẩm sinh học để giảm thiểu ô nhiễm từ phân và nước tiểu gà; Thu gom và xử lý triệt để chất thải (phân gà, đệm lót) phát sinh sau mỗi đợt nuôi;

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực xử lý nước thải như: bể tự hoại, ao sinh học và xung quanh khu vực trang trại;

+ Thường xuyên phun chế phẩm sinh học xung quanh khu vực chuồng trại, hệ thống xử lý nước thải và bổ sung men vi sinh cho ao sinh học để giảm mùi hôi.

- Đối với hoạt động vận chuyển: Sử dụng xe chuyên dụng và thực hiện che kín thùng vận chuyển đệm lót đến cơ sở chế biến phân bón, vận chuyển vào lúc thời tiết mát mẻ, tránh giờ cao điểm (đối với việc vận chuyển con giống, gà thành phẩm) để đảm bảo mùi và khí thải ít ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.2.3. Các biện pháp công trình giảm thiểu CTR:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 09 thùng chứa: 05 thùng 30L/thùng và 04 thùng 60 lít/thùng, có nắp đậy. Các loại chất thải rắn được phân loại tài nguyên, CTR có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp,... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn; các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi:

+ Chất thải rắn từ chuồng nuôi tại mỗi khu đất (gồm phân, trấu và lông gà): Sau khi kết thúc đợt nuôi, hỗn hợp phân được công nhân làm việc tại trang trại thu gom và bán cho các cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ, không lưu giữ tại khu vực trang trại;

+ Xác gà chết: Đối với gà chết không do dịch bệnh: Gà chết sẽ được vận chuyển về khu hủy xác gà chết; cụ thể: khu chôn xác gà chết có diện tích 40m², chia thành 10 hố nhỏ có diện tích 4m²/hố, sâu 2m, Quy trình chôn lấp thực hiện theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Đối với gà chết do dịch bệnh: Chủ đầu tư thực hiện khử khuẩn tại nhà tiêu hủy gà sau đó chôn lấp theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT và tiến hành các biện pháp vệ sinh phòng dịch theo quy định hiện hành, kịp thời báo cáo với cơ quan chuyên môn về vệ sinh thú y, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Bùn từ quá trình xử lý nước định kỳ (01 năm/lần) thuê đơn vị có chức năng hút, tận ủ bón cho cây xanh trong khuôn viên.

4.2.4. Các biện pháp công trình giảm thiểu CTNH:

- Đối với chất thải rắn phát sinh, trang bị 03 thùng chứa dung tích 20 lit/thùng, được lưu giữ tại nhà xe nông cụ có dán nhãn mác đúng quy định.

- Đối với chất thải lỏng nguy hại là dầu thải các loại máy móc thiết bị, trang bị 01 can 20 lit được lưu giữ tại nhà xe nông cụ có dán nhãn mác đúng quy định.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Nghi Sơn để vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.5. Các biện pháp công trình ứng phó sự cố:

- Sự cố dịch bệnh: Xây dựng khu nhà cách ly gà bị ốm, chết cách biệt trong khu vực riêng, tập trung gà bị bệnh để dễ điều trị, tránh lây lan sang gà khỏe; thường xuyên phun thuốc diệt côn trùng toàn bộ khu vực trang trại; tăng cường các biện pháp diệt chuột (sử dụng bả sinh học, đặt bẫy, nuôi mèo...) và các loài như: chim, côn trùng,... từ khu vực khác đến; thường xuyên vệ sinh thú y, khử trùng đối với người và các phương tiện ra vào trại,...

- Sự cố do hư hỏng hệ thống xử lý khí thải và nước thải: Thường xuyên kiểm tra các hệ thống xử lý; bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống XLNT phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời; nếu hầm biogas gặp sự cố sẽ khóa van dẫn nước vào biogas để sửa chữa, khắc phục và sử dụng các hầm biogas còn lại để tiếp tục lưu trữ và xử lý; trường hợp các hầm biogas đều hỏng.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thông số	Số lượng
1	Công trình xử lý mùi, khí thải, bụi		
	Hệ thống các quạt hút	Công suất 0,5kW	60 cái

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thông số	Số lượng
	Hệ thống các quạt thông gió	Công suất 0,37kW	48 cái
	Hệ thống giàn làm mát	01 hệ thống/01 chuồng nuôi	06 hệ thống
	Hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi phía sau quạt hút	01 hệ thống/01 chuồng nuôi	06 hệ thống
2	Công trình xử lý nước thải		
	Bể tự hoại 03 ngăn	Thể tích 6m ³	02 bể
	Bể tách dầu mỡ	Thể tích 500 lit	01 bể
	Bể kỵ khí	Thể tích 20m ³	03 bể
	Ao sinh học kết hợp hồ sục cố	S = 1.485m ² , sâu 1,5-2,0m	01 ao
	Hệ thống thoát nước mưa	Cống, mương: 1094m;	1 hệ thống
		Hố ga	32 cái
3	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ CTR		
	Thùng đựng rác thông thường loại	Thể tích 30L	05 thùng
		Thể tích 60L	04 thùng
	Nhà tập trung phân gà	Diện tích 117,5m ²	01 nhà
	Thiết bị lưu trữ CTNH	Loại thể tích 20 lit	03 thùng
		Loại dung tích 20 lit	01 can
	Khu tiêu hủy xác gà	Nhà tiêu hủy gà 4m ² ;	01 nhà
		Hố chôn ; S= 4m ² /hố, sâu 2m	10 hố

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Giai đoạn thi công dự án chủ dự án, nhà thầu thi công chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khu vực dự án với sự giám sát của UBND xã Cao Ngọc, UBND huyện Ngọc Lặc, Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

5.2. Chương trình giám sát môi trường: **Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành dự án**

5.2.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Vị trí giám sát:

+ KK1: Sau hệ thống xử lý khí thải phía Bắc khu chuồng nuôi gà

+ KK2: Phía Nam chuồng nuôi gà (đường số 1)

- Tần suất và tọa độ vị trí giám sát: 03 tháng /1 lần

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH₃, H₂S, CH₄.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc;
 - + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước thải đầu ra:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (mẫu nước thải tại cống xả ra hồ tự nhiên phía Tây Bắc dự án).
- Tần suất giám sát: 03 tháng /1 lần với các chỉ tiêu: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, Coliform
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Các vấn đề cần giám sát:
 - + Thành phần, khối lượng phát thải chất thải nguy hại
 - + Thành phần, khối lượng, cách thức thu gom, phân loại sinh hoạt và lưu trữ chất thải rắn chăn nuôi
- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn.
- Văn bản áp dụng: Điều 72, Luật bảo vệ môi trường 2020; Điều 35 và Điều 36, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường

năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.